

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 25/4/2024

“V/v: *Kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyết, ông Phạm Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/3/2024 và 25/4/2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST-DS ngày 16/10/2023 về “*Kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 12/3/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Tăng Hạ, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Thanh Liễu, xã Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt ông V, anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, trình bày:

Do quen biết nhau từ trước nên ngày 15/12/2008 (dương lịch) anh S đến nhà ông đặt vấn đề vay tiền để làm ăn buôn bán. Hai bên có lập giấy vay tiền, số tiền vay gốc là 37.000.000 đồng, thời gian vay 2 tháng kể từ ngày 15/12/2008, anh S tự tay viết phần nội dung và ký tên. Về lãi suất, không ghi vào giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng là 01%/ tháng. Hết thời hạn hai tháng, ông V đã nhiều lần đến đòi nhưng anh S không trả nên năm 2019 ông đã làm đơn khởi kiện ra tòa án. Tuy

nhiên sau đó ông đã rút đơn lại để hai bên tự thương lượng với nhau. Ngày 27/6/2019, ông và anh S đã lập “*Giấy chốt nợ*”, theo đó số tiền gốc anh S còn nợ ông là 37.000.000đ, nếu mỗi tháng anh S đều đặn trả 2.000.000đ/ tháng thì anh S chỉ phải trả ông 20.000.000 đồng. Trường hợp anh S không thực hiện đúng cam kết thì ông tiếp tục khởi kiện ra tòa án. Từ thời điểm ông rút đơn khởi kiện đến nay, anh S không thanh toán được cho ông thêm đồng nào nên ông tiếp tục khởi kiện đề nghị tòa án buộc anh S phải thanh toán cho ông số tiền gốc là 37.000.000 đồng, và rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Ông xác định số tiền ông cho anh S vay là giữa cá nhân ông và anh S không liên quan đến gia đình hai bên.

Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, anh Phạm Văn S trình bày:

Anh và ông V có quan hệ quen biết ngoài xã hội. Ngày 15/12/2008 (dương lịch) anh trực tiếp đến nhà ông V vay tiền mục đích để trả nợ cho bản thân. Anh vay của ông V số tiền 37.000.000 đồng, anh đã nhận toàn bộ số tiền trên và tự tay viết giấy vay tiền. Thời hạn vay là 2 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không ghi vào biên bản mà thỏa thuận miệng là 7.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Anh đã trả lãi đều đặn, một thời gian sau do anh gặp khó khăn về kinh tế nên ông V giảm lãi xuống còn 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Đến giữa năm 2019 anh xác định đã trả hết gốc và lãi cho ông V. Các lần trả tiền anh đều không viết giấy tờ gì nên không cung cấp cho tòa án được. Đến năm 2019 mặc dù anh đã trả hết tiền cho ông V nhưng do anh không có căn cứ nên anh và ông V thống nhất viết “*Giấy chốt nợ*” ngày 27/6/2019. Theo đó anh còn nợ ông V số tiền 37.000.000đ, nếu mỗi tháng anh trả 2.000.000đ cho ông V thì anh chỉ phải trả ông V 20.000.000 đồng. Trường hợp anh không trả thì ông V khởi kiện lại ra tòa án. Anh xác định sau ngày 27/6/2019 anh đã trả cho ông V được 9.000.000 đồng tiền gốc tuy nhiên anh cũng không có tài liệu nào cung cấp cho tòa án. Tại thời điểm vay tiền, anh chưa kết hôn nên số nợ trên là nợ của riêng anh không liên quan đến gia đình. Nay ông V đề nghị tòa án giải quyết buộc anh phải thanh toán số tiền gốc là 37.000.000 đồng. Anh không đồng ý và đề nghị tòa án áp dụng thời hiệu trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa anh và ông V.

Tại đơn đề nghị, bà Bùi Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn V, bà không biết việc ông V cho anh S vay tiền. Bà xác định không liên quan đến số tiền trên. Đề nghị tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng tại tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, anh Nguyễn Phú Th trình bày: Anh và anh S làm cùng công ty với nhau, anh có biết việc ông V cho anh S vay tiền. Năm 2019, anh cùng anh S đi trả nợ hai lần, lần thứ nhất là 5.000.000 đồng, lần thứ hai là 4.000.000 đồng. Tuy nhiên anh không quen biết và giao dịch với ông V bao giờ nên anh không chắc chắn đó có đúng là ông V không. Khi trả tiền, anh S chỉ đưa tay chứ không viết giấy tờ gì. Anh cũng không có video, hình ảnh tại thời điểm anh S trả tiền cho người đó. Do công việc của anh bận rộn nên đề nghị tòa án

không triệu tập anh đến phiên tòa. Quan điểm của anh, hiện anh S không có căn cứ chứng minh đã trả nợ cho ông V nên tòa án căn các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng anh Nguyễn Công T trình bày: Khoảng cuối năm 2018 dương lịch, anh có biết việc anh S vay của anh V tiền (nhưng không biết để làm gì), không biết hai bên cho nhau vay cụ thể là bao nhiêu, không biết thỏa thuận lãi suất như thế nào và không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh S trình bày: Sau ngày hai bên chốt nợ (ngày 27/6/2019) anh đã hai lần thanh toán cho ông V qua tài khoản của anh mở tại Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh khu công nghiệp Hải Dương và đề nghị tòa án tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ nội dung trên. Tại công văn phúc đáp của Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh khu công nghiệp Hải Dương kèm theo sao kê tài khoản của anh S từ năm 2019-2022, không có thông tin giao dịch chuyển tiền của chủ tài khoản Phạm Văn S cho người thụ hưởng là ông Nguyễn Văn V. Anh S cũng đã thừa nhận và đồng ý với kết quả sao kê của ngân hàng không thể hiện việc chuyển tiền cho ông V.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đề nghị tòa án giải quyết buộc anh S phải thanh toán số tiền gốc 37.000.000 đồng và rút yêu cầu đòi với tiền lãi; bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184, Điều 244 BLTTDS năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 280; Điều 357; Điều 429, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc là 37.000.000đ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V đòi anh S số tiền lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Văn S cư trú tại thôn Thanh Liễu, xã Tân Hưng, thành phố Hải Dương- theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 15/12/2008. Tuy nhiên đến ngày 27/6/2019 hai bên đã viết giấy chốt nợ, anh S thừa nhận nghĩa vụ của mình đồng thời có cam kết trả nợ. Căn cứ điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại 03 năm kể từ ngày 27/6/2019. Đến ngày 26/9/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng đã hết. Mặt khác, ngày 25/3/2024, anh S có đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Kiện đòi tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền gốc:

Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất theo Giấy nhận tiền ngày 15/12/2008 ông V đã cho anh S vay số tiền gốc là 37.000.000 đồng. Tại giấy chốt nợ hai bên thiết lập ngày 27/6/2019 một lần nữa khẳng định lại nội dung trên. Anh S trình bày đã thanh toán được toàn bộ số tiền gốc và lãi nhưng không có tài liệu chứng minh. Căn cứ điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX xác định ông V yêu cầu đòi lại số tiền gốc 37.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông V là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc; anh S không có ý kiến gì nên HĐXX căn cứ Điều 244 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V đòi anh S số tiền lãi.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 184, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166; Điều 280; Điều 429, Điều 357; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc anh Phạm Văn S phải trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền gốc là 37.000.0000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về việc buộc anh S phải thanh toán tiền lãi.

3. Về án phí: Anh S phải chịu 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.450.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/ 000523 ngày 28/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thành Hưng